

12/06/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
 anhntn@kbsec.com.vn

1Q2023, GMD ghi nhận doanh thu và LNST lần lượt là 902 tỷ VND (+3% yoy) và 254 tỷ VND (-20% yoy)

Doanh thu cảng của GMD trong 2023 dự kiến giảm do sự sụt giảm chung của thị trường hàng hóa thế giới

GMD đã hoàn tất chuyển nhượng NHĐV vào cuối tháng 5 vừa qua

Nam Đình Vũ 2 đã đi vào khai thác cùng dự án Gemalink 2 đang triển khai và Nam Đình Vũ 3 sẽ đảm bảo quy mô và vị thế cho khối cảng của GMD trong cả trung hạn và dài hạn

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 63,000 VND/cổ phiếu

1Q2023 GMD đạt doanh thu 902 tỷ VND, hoàn thành 23% doanh thu kế hoạch đặt ra cho 2023. Trong đó doanh thu khai thác cảng chiếm tỷ trọng 72.6% đạt 655 tỷ VND (-11% yoy), doanh thu logistics đạt 247 tỷ VND (+72% yoy).

Trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường, xuất nhập khẩu giảm mạnh, sản lượng thông qua hệ thống cảng của GMD cũng bị ảnh hưởng tiêu cực chỉ đạt 584,000 Teu trong 1Q2023 (ước tính giảm 25% yoy), dự kiến chưa thể hồi phục ngay trong năm nay.

Lợi nhuận trước thuế của giao dịch chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Cảng Nam Hải Đình Vũ ước tính khoảng hơn 2,000 tỷ VND dự kiến sẽ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính 2Q2023.

Nam Đình Vũ 2 đã được đưa vào hoạt động từ tháng 5/2023 kì vọng sẽ nhanh chóng được lấp đầy nhờ sản lượng hàng từ cảng NHĐV chuyển sang. GMD đang tiếp tục xem xét tiến hành khởi công thêm dự án Nam Đình Vũ 3, cùng với Gemalink 2 dự kiến sẽ đưa vào khai thác từ 2025 đảm bảo dư địa tăng trưởng cho GMD trong trung và dài hạn.

Dựa trên triển vọng doanh nghiệp và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu GMD với mức giá mục tiêu là 63,000 VND/cổ phiếu, cao hơn 22.1% so với giá đóng cửa ngày 12/06/2023.

Mua duy trì

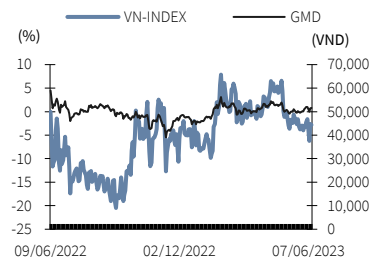
Giá mục tiêu	63,000VND
Tăng/giảm (%)	22.1%
Giá hiện tại (12/06/2023)	51,600VND
Giá mục tiêu đồng thuận	59,130VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ triệu USD)	15.55/662

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	95.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	44,486
Sở hữu nước ngoài (%)	37.5%
Cổ đông lớn	Công ty TNHH SSI Consulting (9.85%)

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	5	1	10	-13
Tương đối	1	-5	4	-3

Dự phóng KQKD & định giá

	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	3,206	3,916	3,952	4,298
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	861	1,357	1,357	1,611
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	612	995	2,499	1,131
EPS (VND)	1,869	3,037	8,306	3,022
Tăng trưởng EPS	63%	62%	174%	-64%
P/E (x)	24.3	17.0	6.2	13.8
P/B (x)	2.0	1.7	1.9	1.8
ROE	10.2%	14.6%	26.7%	12.4%
Tỷ suất cổ tức	2.7%	2.8%	0%	0%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Bảng 1. Cập nhật KQKD

(tỷ VND)	1Q2022	1Q2023	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu thuần	880	902	3%	Hoàn thành 23% kế hoạch doanh thu đặt ra cho 2023 (3,920 tỷ VND)
- <i>Khai thác cảng</i>	736	655	-11%	Sản lượng container toàn hệ thống sụt giảm chỉ đạt 584,000 Teu
- <i>Logistics & hoạt động khác</i>	144	247	72%	Các hợp đồng cho thuê tàu kéo dài đến hết 2023 và 2024 nên doanh thu vận tải không chịu nhiều ảnh hưởng nhiều từ tình hình thị trường hàng hóa. Kho bãi được đầu tư mở rộng so với 1Q2022
Lợi nhuận gộp	352	427	21%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	40%	47%	7ppts	Giá dịch vụ không đổi, chi phí được tối ưu hóa. Tỷ trọng hoạt động có biên gộp lớn (logistics) tăng.
Thu nhập tài chính	4	21	425%	
Chi phí tài chính	32	40	25%	
SG&A	110	127	15%	
Lãi/lỗ từ CTLK	126	21	-83%	Lợi nhuận của SCS giảm 40% so với cùng kỳ, Gemalink ghi nhận lỗ (sản lượng Gemalink giảm 30% yoy do suy giảm sản lượng hàng của tuyến đi Mỹ và châu Âu bắt đầu từ 3Q2022 và kéo dài đến 1Q2023)
Lợi nhuận trước thuế	350	308	-12%	
Lợi nhuận sau thuế	319	254	-20%	Hoàn thành 27% lợi nhuận kế hoạch đề ra cho 2023 (1,136 tỷ VND)

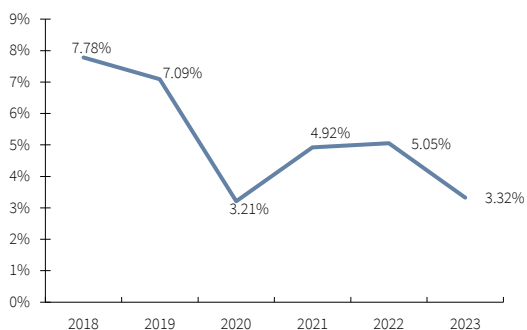
Nguồn: KBC, KBSV

Thị trường hàng hóa sụt giảm mạnh kéo dài từ cuối 4Q2022 và dự kiến còn tiếp tục đến hết 2023, tác động tiêu cực đến KQKD mảng khai thác cảng GMD trong ngắn hạn

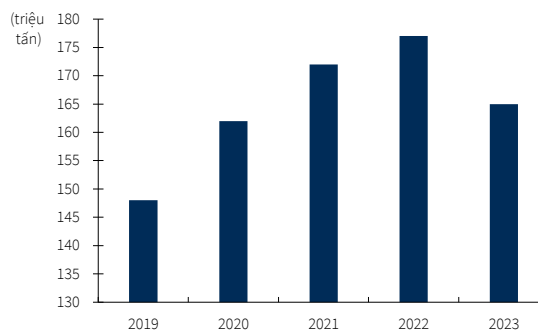
Thị trường hàng hóa chung của cả nước sụt giảm mạnh từ cuối 2022 và kéo dài sang 1Q2023 ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trong ngành cũng như KQKD của GMD.

- GDP 1Q2023 chỉ tăng 3.3% yoy, ở mức thấp thứ 2 giai đoạn 2011-2022. Tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa 1Q2023 đạt 154.27 tỷ USD (-13.3% yoy)
- Tổng khối lượng cảng biển thông qua cảng biển cả nước trong 1Q2023 đạt 165.3 triệu tấn, giảm 4% yoy, trong đó hàng container ước đạt gần 5.2 triệu Teu, giảm 15% yoy

Trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường, sản lượng hàng trên các cảng của GMD đều giảm so với cùng kỳ, đặc biệt là nhóm cảng miền Nam. Tuy nhiên chúng tôi kì vọng ngành cảng & logistics sẽ hồi phục trong trung và dài hạn khi mà Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng, đặc biệt từ một loạt các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Việc Gemadept giữ nguyên chủ trương không giảm giá dịch vụ mà thay vào đó ưu tiên tập trung phát triển hệ sinh thái, tích hợp dịch vụ đem lại lợi ích tổng thể cũng sẽ làm giảm tác động của tình hình XNK khó khăn nói chung lên KQKD của công ty.

Biểu đồ 2. Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam quý 1 2018 - 2023

Nguồn: Tổng cục Thống kê, GMD

Biểu đồ 3. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển cả nước quý 1 giai đoạn 2019 – 2023 (triệu tấn)

Nguồn: Cục Hàng hải Việt Nam, GMD

GMD đã hoàn tất thoái vốn tại CTCP cảng Nam Hải Đình Vũ (NHĐV) vào ngày 31/05/2023, vị thế và quy mô của GMD tại khu vực cảng Hải Phòng sẽ không bị ảnh hưởng

LNTT của GMD từ giao dịch chuyển nhượng cảng NHĐV ước tính khoảng 2,000 tỷ VND dự kiến ghi nhận vào BCTC 2Q2023. Việc chuyển nhượng NHĐV dự kiến sẽ không làm sụt giảm sản lượng của khối cảng GMD trong 2023 cũng như quy mô và vị thế của GMD trong trung và dài hạn.

- Giao dịch chuyển nhượng NHĐV chỉ bán tài sản và hạ tầng. Toàn bộ khách hàng và nguồn lực sẽ được chuyển từ Cảng NHĐV sang Nam Đình Vũ, dự kiến Nam Đình Vũ 2 có thể nhanh chóng lấp đầy công suất trước 2025, đảm bảo sản lượng cho khối cảng GMD tại miền Bắc.
- Trước đây tại miền Bắc, GMD có 3 cảng nằm rải rác tách rời, cần 3 nguồn lực riêng biệt. Sau khi hoàn thành chuyển nhượng NHĐV, Nam Đình Vũ 2 cũng đã đi vào khai thác, việc GMD dồn lực vào cho cụm cảng Nam Đình Vũ, triển khai thêm Nam Đình Vũ 3 sẽ tăng độ tập trung cho cảng, tăng khả năng đón tàu lớn cũng như tiết kiệm được nguồn lực và tối ưu hóa hiệu quả chi phí cho doanh nghiệp.

Nhiều tuyến vận tải mới được triển khai là cơ hội gia tăng sản lượng cho các cảng

Trong 1Q2023, các cảng GMD tiếp nhận các tuyến vận tải nội địa và quốc tế mới đem đến nhiều cơ hội cho cảng

- Tháng 3 vừa qua, Gemalink đã chính thức khai thác tuyến dịch vụ mới FAL3 (French Asia Line 3), là một trong những tuyến lớn và quan trọng nhất mà CMA CGM giao cho Gemalink, nâng cao năng lực kết nối cho Gemalink.
- Cảng Nam Hải cũng mới khai trương tuyến vận tải thủy nội địa kết nối luồng hàng hải giữa Hải Phòng và Hà Nam, thúc đẩy sản lượng nội địa cũng như tăng gắn kết giữa cảng và các hãng tàu nội địa.

Ảnh 1. Tiến độ Gemalink 2

Hiện đang hoàn thành các thủ tục liên quan xin cấp phép mở rộng quy mô, kéo dài cầu tàu lên 1.5km, thu xếp vốn để triển khai xây dựng, sẵn sàng đưa giai đoạn 2 vào khai thác từ 2024 & 2025.
Tổng mức đầu tư giai đoạn 2 khoảng 300 triệu USD.



Nguồn: GMD

Ảnh 2. Cảng Nam Đình Vũ

Nam Đình Vũ 1 và 2 lần lượt có diện tích 22 và 44 ha, cầu bến dài 440 và 1,100m, năng suất từ 900,000 đến 1.2 triệu Teu. Nam Đình Vũ 2 mới được khai trương chính thức vào tháng 5/2023.

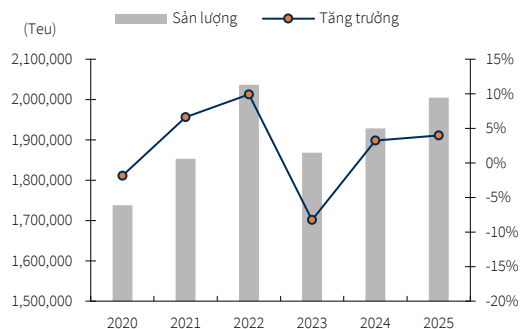
GMD tiếp tục nghiên cứu để sớm khởi công GDD3, sau khi hoàn thành cụm cảng Nam Đình Vũ sẽ có tổng chiều dài cầu bến lên đến 1,500 m, diện tích 70ha trở thành cụm cảng có quy mô lớn nhất Hải Phòng.



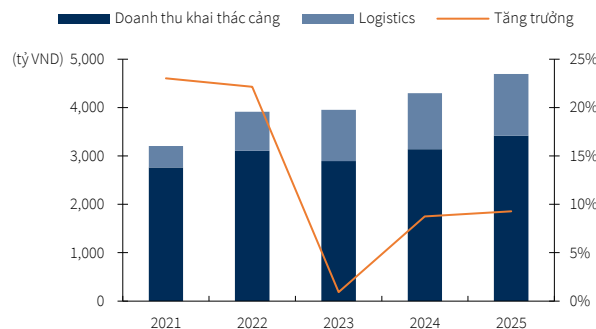
Nguồn: GMD

GMD dự kiến chia cổ tức năm 2022 2,000 VND/cổ phiếu

Trong ĐHCĐ vừa qua, GMD đã thông qua phương án chi cổ tức năm 2022 bằng tiền là 20% (tương đương 2,000 VND/cổ phiếu). Công ty cho biết mức cổ tức này đã bao gồm cổ tức từ hoạt động SXKD thông thường và một phần lợi nhuận từ giao dịch chuyển nhượng cảng NHĐV.

Biểu đồ 4. Dự phóng sản lượng container của GMD

Nguồn: GMD, KBSV

Biểu đồ 5. Dự phóng doanh thu từ các mảng kinh doanh GMD

Nguồn: GMD, KBSV

DỰ PHỎNG KQKD & ĐỊNH GIÁ

Bảng 6. Dự phỏng kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	2022	2023F	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu thuần	3,916	3,952	1%	
- <i>Khai thác cảng</i>	3,104	2,896	-7%	Chúng tôi dự phỏng sản lượng hàng qua cảng GMD giảm 8.3% so với 2022, giá cước dịch vụ tăng nhẹ 2%
- <i>Logistics & hoạt động khác</i>	812	1,056	30%	Doanh thu logistics tăng trưởng nhờ các hợp đồng vận tải dài hạn đã kí kết và hệ thống kho bãi được đầu tư mở rộng kéo theo doanh thu từ kho bãi tăng
Lợi nhuận gộp	1,645	1,681	2%	
- <i>Biên lợi nhuận gộp</i>	42%	43%	1ppt	
Thu nhập tài chính	24	52	117%	
Chi phí tài chính	178	105	-41%	
SG&A	542	593	9%	
Thu nhập khác	-48	1,921		Tăng mạnh từ lợi nhuận đột biến hơn 2,000 tỷ VND (LNTT) từ chuyển nhượng 100% vốn sở hữu tại CTCP Cảng NHĐV
Lợi nhuận trước thuế	1,308	3,278	150%	
Lợi nhuận sau thuế	1,157	2,674	130%	

Nguồn: GMD, KBSV

Khuyến nghị MUA – Giá mục tiêu 63,000 VND/cổ phiếu

Sử dụng phương pháp định giá từng phần cho GMD bao gồm: (1) Hoạt động kinh doanh cốt lõi + lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết, (2) Dự án Gemalink và (3) Dự án cao su và bất động sản, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA cho cổ phiếu GMD với mức giá mục tiêu 63,000 VND/cổ phiếu, tương đương mới mức tăng giá tiềm năng 22.1% so với mức giá đóng cửa 51,600 VND/cổ phiếu ngày 12/06/2023 dựa trên các giả định

- Cảng Nam Đình Vũ 2 đi và hoạt động sẽ nhanh chóng thay thế cho NHĐV, lấp đầy công suất vào 2025. Sản lượng Gemalink giảm 10% trong 2023 tuy nhiên sẽ bắt đầu đà phục hồi từ 2024. Các dự án mới Gemalink 2 và Nam Đình Vũ 3 lần lượt đi vào hoạt động đóng góp vào KQKD cho GMD từ 2025 và 2026
- Mức giá dịch vụ vẫn tăng nhẹ trong năm nay và duy trì đà tăng từ 2 – 5% trong các năm tới

Bảng 7. Định giá GMD

Định giá	Phương pháp	Giá trị	Tỉ lệ sở hữu	Giá trị đóng góp vốn cổ phần GMD
Hoạt động cốt lõi	FCFF	12,569	100%	12,569
Gemalink	FCFF	7,066	65.10%	4,600
Cao su	BV	1,555	100%	1,555
Bất động sản	BV	256	100%	256
Giá trị vốn cổ phần				18,980
Số cổ phiếu lưu hành (triệu cp)				301.38
Giá trị định giá				63,000
Giá hiện tại				51,600
Dự địa tăng trưởng				22.1%

Nguồn: GMD, KBSV

Báo cáo Kết quả HĐKD

(Tỷ VNĐ)	2021	2022	2023F	2024F
(Báo cáo chuẩn)				
Doanh số thuần	3,206	3,916	3,952	4,298
Giá vốn hàng bán	2,064	2,271	2,271	2,467
Lãi gộp	1,142	1,645	1,681	1,831
Thu nhập tài chính	40	24	56	133
Chi phí tài chính	108	178	105	89
Trong đó: Chi phí lãi vay	119	131	105	89
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	237	406	319	381
Chi phí bán hàng	154	146	198	215
Chi phí quản lý doanh nghiệp	295	396	395	430
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	861	1,357	1,357	1,611
Thu nhập khác	50	30	0	0
Chi phí khác	105	79	0	0
Thu nhập khác, ròng	-55	-48	1,921	-86
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	806	1,308	3,278	1,525
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	86	151	604	204
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	721	1,157	2,674	1,321
Lợi ích của cổ đông thiểu số	108	162	175	190
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	612	995	2,499	1,131

Chỉ số hoạt động

(%)	2021	2022	2023F	2024F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	35.6%	42.0%	42.5%	42.6%
Tỷ suất EBITDA	40.7%	46.3%	93.6%	47.0%
Tỷ suất EBIT	28.9%	36.8%	85.6%	37.6%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	25.1%	33.4%	82.9%	35.5%
Tỷ suất lãi hoạt động KD	26.9%	34.6%	34.3%	37.5%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	26.6%	31.8%	33.3%	34.4%

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ VNĐ)	2021	2022	2023F	2024F
Lãi trước thuế	806	1,308	3,278	1,525
Khấu hao TSCĐ	380	376	317	406
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-194	-420	0	0
Chi phí lãi vay	119	131	105	89
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	1,211	1,504	3,701	2,020
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	6	-163	-161	-99
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	8	-13	-11	-8
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	-31	1,304	-658	744
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	11	10	113	33
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay	4	-31	0	0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	965	2,333	3,169	2,469
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-586	-1,395	-646	-1,637
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	42	4	0	0
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-95	-86	0	0
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	105	33	0	0
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	-1,800	0
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0
Cổ tức và tiền lãi nhận được	0	174	0	0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-356	-1,269	-2,446	-1,637
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	0	0	0	0
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0
Tiền thu được các khoản đi vay	1,524	1,563	0	0
Tiền trả các khoản đi vay	-1,446	-1,431	-543	0
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	-49	-41	0	0
Cổ tức đã trả	-426	-428	-603	-660
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-398	-338	-1,146	-660
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	211	726	-423	171
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	428	637	1,364	941
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	637	1,364	941	1,112

Nguồn: GMD, KBSV

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ VNĐ)	2021	2022	2023F	2024F
(Báo cáo chuẩn)				
Tổng Cộng Tài Sản	10,731	13,190	14,057	15,578
Tài Sản Ngắn Hạn	1,689	2,724	2,372	2,661
Tiền và tương đương tiền	637	1,364	941	1,112
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	52	82	82	82
Các khoản phải thu	842	976	1,137	1,236
Hàng tồn kho, ròng	69	82	93	101
Tài Sản Dài Hạn	9,042	10,466	11,686	12,917
Phải thu dài hạn	44	45	45	45
Tài sản cố định	3,146	3,262	3,625	4,857
Tài sản dở dang dài hạn	1,747	2,839	1,896	1,896
Đầu tư dài hạn	2,830	3,070	4,870	4,870
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
Nợ Phải Trả	3,687	5,247	4,042	4,903
Nợ ngắn hạn	2,263	3,374	2,170	3,030
Phải trả người bán	381	838	180	924
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1	1	0	0
Vay ngắn hạn	860	543	0	0
Nợ dài hạn	1,424	1,873	1,873	1,873
Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
Doanh thu chưa thực hiện	276	291	291	291
Vay dài hạn	1,061	1,486	1,486	1,486
Vốn Chủ Sở Hữu	7,045	7,944	10,015	10,675
Vốn góp	3,014	3,014	3,014	3,014
Thặng dư vốn cổ phần	1,942	1,942	1,942	1,942
Lãi chưa phân phối	661	1,228	3,300	3,960
Vốn ngân sách nhà nước và quỹ khác	0	0	0	0
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0

Chỉ số chính

(x, %, VNĐ)	2021	2022	2023F	2024F
Chỉ số định giá				
P/E	24.3	17.0	6.2	13.8
P/E pha loãng	24.3	17.0	6.2	13.8
P/B	2.0	1.7	1.9	1.8
P/S	4.4	3.5	4.8	4.4
P/Tangible Book	2.1	1.8	1.9	1.8
P/Cash Flow	15	6	6	8
Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	10.9	7.5	5.1	9.4
Giá trị doanh nghiệp/EBIT	15.4	9.5	5.6	11.8

Hiệu quả quản lý

ROE	10.2%	14.6%	26.7%	12.4%
ROA	6.7%	8.8%	19.0%	8.5%
ROIC	10.6%	16.0%	30.9%	14.1%

Cấu trúc tài chính

Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.30x	0.43x	0.47x	0.39x
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.42x	0.46x	0.53x	0.50x
Tỷ suất thanh toán hiện thời	0.68x	0.72x	1.00x	0.80x
Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	15.1%	18.7%	14.8%	13.9%
Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	9.9%	11.3%	10.6%	9.5%
Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	12.2%	6.8%	0.0%	0.0%
Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	8.0%	4.1%	0.0%	0.0%
Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	32.1%	42.5%	21.7%	28.4%
Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	21.1%	25.6%	15.4%	19.5%
Tổng công nợ/Vốn CSH	52.3%	66.0%	40.4%	45.9%
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	34.4%	39.8%	28.8%	31.5%

Chỉ số hoạt động

Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	3.8	4.0	3.5	3.5
Hệ số quay vòng HTK	30.0	27.6	24.3	24.3
Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	5.6	3.7	4.5	4.5

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.